TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-PT
Ngày: 10-6-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐ-PT ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A, thôn X, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị X, sinh năm 1964; địa chỉ: Số B, Tổ A, thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Đ, Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L.

Người kháng cáo: Bà Võ Thị X – bị đơn.

(Bà L, bà X và Luật sư có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2023, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:* Bà và bà Võ Thị X có quen biết nhau nên bà X có đến vay tiền của bà nhiều lần cụ thể: Ngày 15/7/2021 vay 400.000.000đ; ngày 31/7/2021 vay 5.000.000đ; ngày 03/8/2021 vay 5.000.000đ; ngày 11/8/2021 vay 5.000.000đ; ngày 28/9/2021 vay 138.000.000đ; ngày 29/10/2021 vay 10.000.000đ; ngày 02/11/2021 vay 120.000.000đ; ngày 01/12/2021 vay 2.000.000đ; ngày 13/12/2021 vay 8.000.000đ; ngày 30/12/2021 vay 15.000.000đ; ngày 29/6/2022 vay 23.000.000đ; ngày 07/7/2022 vay 10.000.000đ; ngày 03/8/2022 vay 15.000.000đ; ngày 03/8/2022 vay 3.000.000đ; ngày 03/10/2022 vay 20.000.000đ; ngày 02/11/2022 vay 5.000.000đ. Tổng số tiền bà X của bà là 784.000.000đ. Bà đã yêu cầu bà X trả tiền nhiều lần nhưng bà X không trả, nay bà khởi kiện yêu cầu bà X trả cho bà số tiền nợ gốc là 784.000.000đ và tiền lãi 142.296.000đ (lãi xuất 11 tháng từ tháng 12/2022 đến tháng 10/2023 với mức 1,65%/ tháng). Tổng cộng bà yêu cầu bà X trả 926.296.000đ. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn bà Võ Thị X trình bày:* Bà thừa nhận có vay tiền của bà L nhiều lần, các lần vay bà đều là người viết giấy. Trong toàn bộ khoản nợ bà L khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án bà chấp nhận trả tổng số tiền gốc và lãi là 592.000.000đ. Trong đó gốc là 623.000.000đ trừ cho số tiền 40.000.000đ tiền lãi tính dư ra của số 120.000.000đ bà đã trả 64.440.000đ (lãi từ 02/11/2021 đến 30/4/2022 lãi suất 9%/năm 179 ngày là 24.000.000đ, đã trả 64.440.000 - 24.000.000đ = 40.440.000đ lấy số tròn 40.000.000đ) và lãi của số tiền vay lặt vặt tổng là 103 triệu của 11 tháng tính từ tháng 11 năm 2022 là 9.200.000đ chưa trả, 623.000.000đ - 40.000.000đ + 9.200.000đ = 592.200.000đ lấy số tròn là 592.000.000đ cả gốc và lãi).

Tại phiên tòa bà X đồng ý trả cho bà L số tiền làm tròn là 600.000.000đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 29/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Buộc bị đơn bà Võ Thị X có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 855.838.000đ *(T trăm năm mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tám ngàn đồng).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 13/3/2024 bị đơn bà Võ Thị X có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà X chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 600.000.000đ, không đồng ý trả số tiền 138.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 28/9/2021 và số tiền 23.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 29/6/2022.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà Võ Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X cho rằng khoản tiền 138.000.000đ là tiền lãi của khoản vay 400.000.000đ, khoản tiền 23.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 120.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, do cấp sơ thẩm tính lãi không chính xác tiền gốc (784.000.000đ x 0,83%) x 11 tháng = 71.579.200đ nhưng cấp sơ thẩm tính tiền lãi là 71.838.000đ và miễn án phí cho bà X vì bà X là người cao tuổi. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu bà X trả cho bà số tiền nợ gốc là 784.000.000đ và lãi là 142.296.000đ, bà Võ Thị X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị X thì thấy rằng: Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn xuất trình (BL số 27, 27a ,28, 29) thì nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền 16 lần, tổng cộng số tiền là 784.000.000đ, bị đơn thừa nhận các giấy mượn tiền của những lần vay tiền đều do bị đơn viết và ký. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng khoản vay 138.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 28/9/2021 là tiền lãi của khoản vay 400.000.000đ, khoản tiền vay 23.000.000đ theo giấy mượn tiền 29/6/2022 là tiền lãi của khoản vay 120.000.000đ, nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết giấy mượn tiền nhưng bị đơn không nhận tiền, phía dưới giấy mượn tiền không viết dòng chữ "đã nhận đủ tiền" nên không đồng ý trả.

Xét thấy, bà X thừa nhận có vay tiền của bà L nhiều lần, các lần vay tiền bà đều là người viết giấy vay tiền và ký tên. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 600.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 926.296.000đ gốc và lãi theo khởi kiện của nguyên đơn.

Bà X cho rằng khoản tiền 138.000.000đ là tiền lãi của số tiền vay 400.000.000đ chưa trả từ ngày 15/7/2021 đến ngày 28/9/2021 nên bà L yêu cầu bà X cộng số tiền này với tiền gốc 400.000.000đ nhân lãi 3000đ/1.000.000đ/ngày với thời hạn 28 ngày (từ ngày 01/9/2021 đến ngày 28/9/2024) và khoản tiền 23.000.000đ là tiền lãi của số tiền 120.000.000đ chưa trả từ ngày 01/5/2022 đến ngày 29/6/2022. Tuy nhiên, bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh cho số tiền 138.000.000đ và số tiền 23.000.000đ là tiền lãi, vì trong giấy mượn tiền ngày 28/9/2021 và giấy mượn tiền ngày 29/6/2022 không thể hiện đây là tiền lãi, trong khi phía nguyên đơn không thừa nhận. Bị đơn cho rằng phía dưới 02 giấy mượn tiền không ghi "đã nhận đủ tiền" nên đây là tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, trong 16 lần vay tiền thì chỉ có 2 lần (khoản vay 400.000.000 đồng và khoản vay 120.000.000 đồng) bị đơn ghi "đã nhận đủ tiền", 14 lần không ghi "đã nhận đủ tiền" nhưng 12 lần còn lại bị đơn vẫn thừa nhận và đồng ý trả tiền cho nguyên đơn. Do đó, không có căn cứ xác định số tiền 23.000.000đ và số tiền 138.000.000đ là tiền lãi như bị đơn trình bày.

Về tiền lãi, khoản vay cuối cùng của bị đơn vào tháng 11/2022 nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 12/2022 đến tháng 10/2023 là 784.000.000 x 0,833% x 11 tháng = 71.838.000đ.

Như vậy, cả gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 784.000.000đ + 71.838.000đ = 855.838.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 855.838.000đ là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo không chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn nộp đơn xin miễn án phí và xuất trình căn cước công dân thể hiện bà X sinh ngày 04/6/1964. Tại thời điểm xét xử phúc thẩm bà X là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi nên căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà X.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị X, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị X, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc bị đơn bà Võ Thị X có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 855.838.000đ (T trăm năm mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 3.522.900đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 19.894.440đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013798 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Hoàn trả cho bà L số tiền 16.371.540đ còn thừa.

Miễn án phí cho bà Võ Thị X. Hoàn trả cho bà Võ Thị X số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002448 ngày 25/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức **Huỳnh Châu Thạch** **Vũ Thị Nguyệt**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đơn Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương (01)
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt